

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

*Xây những giá trị, dựng những ước mơ*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Tô Ngọc Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/12/2011)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Nguyễn Thành Phương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12/12/2011)
Ông Nguyễn Đình Thiệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/3/2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

*Xây những giá trị, dựng những ước mơ*

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Quý Hà  
Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Số: *1276* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 6 đến trang 44. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và trang 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Chúng tôi xin lưu ý người đọc các điểm sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả với số tiền 586 tỷ đồng. Cơ sở tính khoản dự phòng này căn cứ vào chênh lệch giữa lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả so với lỗ lũy kế được trình bày trong báo cáo nghiên cứu khả thi của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả là 1.259 tỷ đồng trong khi lỗ kế hoạch theo báo cáo nghiên cứu khả thi đến ngày này là 670 tỷ đồng. Đồng thời chúng tôi cũng xin lưu ý, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả hiện đang áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về ghi nhận chênh lệch tỷ giá, việc áp dụng này làm khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả cho năm 2011 giảm khoảng 304,5 tỷ đồng so với việc áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

### Ý kiến (Tiếp theo)

- Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết của các vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Các khoản công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con, công liên doanh, liên kết của Tổng Công ty. Người đọc báo cáo tài chính này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty một cách tổng thể.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

  
**Vũ Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B 01-DN	
			Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			31/12/2011	31/12/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>7.211.605.381.716</b>	<b>6.648.828.887.376</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
1. Tiền	110	5	280.656.762.104	1.274.713.542.382
	111		215.637.942.213	423.255.473.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.018.819.891	851.458.068.519
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
1. Đầu tư ngắn hạn	120		548.636.928.727	50.000.000.000
	121		548.636.928.727	50.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>				
1. Phải thu khách hàng	130		5.375.153.777.804	4.072.020.498.348
	131		2.014.836.754.544	1.771.812.513.448
2. Trả trước cho người bán	132		851.467.547.059	1.065.474.013.401
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.279.036.643.353	1.333.984.791.269
4. Các khoản phải thu khác	135		422.927.925.955	89.293.376.478
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(193.115.093.107)	(188.544.196.248)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>				
1. Hàng tồn kho	140	6	890.960.314.873	1.103.028.244.761
	141		893.490.124.117	1.105.558.054.005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	150		116.197.598.208	149.066.601.885
	151		92.479.650	211.522.110
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.688.616.468	7.859.889.984
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		41.906.779.562	46.930.259.423
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	50.509.722.528	94.064.930.368
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>8.963.185.865.046</b>	<b>10.957.351.099.812</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>				
1. Phải thu nội bộ dài hạn	210		3.869.568.301.551	4.829.091.418.683
	213	8	3.869.568.301.551	4.829.091.418.683
<b>II. Tài sản cố định</b>				
1. Tài sản cố định hữu hình	220		626.938.087.120	555.076.894.671
- Nguyên giá	221	9	170.772.619.691	185.782.094.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	222		244.335.524.631	251.656.083.770
	223		(73.562.904.940)	(65.873.989.169)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.173.543.667	12.171.243.667
- Nguyên giá	228		12.228.452.000	12.222.452.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.908.333)	(51.208.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	443.991.923.762	357.123.556.403
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>				
- Nguyên giá	240	12	426.935.338.332	457.767.262.400
	241		504.972.527.839	505.952.527.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(78.037.189.507)	(48.185.265.439)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>				
1. Đầu tư vào công ty con	250	13	4.030.312.013.039	5.096.826.808.950
	251		3.807.035.718.291	3.900.643.333.850
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		984.632.270.919	1.018.810.616.329
3. Đầu tư dài hạn khác	258		351.872.664.204	469.362.719.531
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.113.228.640.375)	(291.989.860.760)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>				
1. Chi phí trả trước dài hạn	260		9.432.125.004	18.588.715.108
	261	14	9.432.125.004	18.588.715.108
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>16.174.791.246.762</b>	<b>17.606.179.987.188</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2011	31/12/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>11.584.921.171.431</b>	<b>13.054.577.542.255</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.005.640.713.307</b>	<b>6.062.103.665.229</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	2.835.169.596.321	829.919.190.560
2. Phải trả người bán	312		493.758.557.384	314.079.485.392
3. Người mua trả tiền trước	313		2.070.001.088.119	3.164.410.322.878
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	61.772.105.106	133.217.487.221
5. Phải trả người lao động	315		18.658.329.429	46.328.487.483
6. Chi phí phải trả	316	17	354.980.043.725	305.439.474.952
7. Phải trả nội bộ	317		325.838.951.216	511.034.171.038
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	841.831.393.165	744.477.871.155
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.630.648.842	13.197.174.550
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.579.280.458.124</b>	<b>6.992.473.877.026</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	4.346.980.024.596	6.744.253.167.590
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.160.371.740	1.368.984.733
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		231.140.061.788	246.851.724.703
<b>B - NGUỒN VỐN (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>	<b>20</b>	<b>4.589.870.075.331</b>	<b>4.551.602.444.933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>4.195.839.443.288</b>	<b>4.081.867.566.864</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		355.104.902.000	355.104.902.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(4.411.230.161)	(1.300.636.941)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		295.752.292.131	295.752.292.131
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.565.269.013	63.565.269.013
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		485.828.210.305	368.745.740.661
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>394.030.632.043</b>	<b>469.734.878.069</b>
1. Nguồn kinh phí	432		394.030.632.043	469.734.878.069
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>16.174.791.246.762</b>	<b>17.606.179.987.188</b>



Vũ Quý Hà  
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Quốc Hòa  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	255.881.264.668	601.306.143.932
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	47.355.162.453	35.584.089.405
Các khoản dự phòng	03	825.809.676.474	94.805.470.641
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(39.261.356.876)	(11.309.106.378)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.107.346.544.234)	(1.025.530.081.848)
Chi phí lãi vay	06	418.724.407.494	478.143.030.189
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	401.162.609.979	172.999.545.941
Biến động các khoản phải thu	09	534.802.721.977	(261.638.906.782)
Biến động hàng tồn kho	10	161.041.281.548	184.805.514.138
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(917.209.790.516)	(469.132.311.686)
Biến động chi phí trả trước	12	10.107.298.143	(14.823.945.623)
Tiền lãi vay đã trả	13	(619.415.384.456)	(386.777.671.421)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(110.007.303.867)	(127.897.134.674)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(23.629.591.134)	(34.031.073.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(563.148.158.326)	(936.495.984.080)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(167.933.278.656)	(289.642.165.857)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.656.735.291	33.056.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(600.849.965.203)	(321.189.338.229)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	442.682.012.189	344.758.468.829
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(137.688.420.000)	(311.226.543.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	386.459.710.298	409.280.203.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	267.894.793.848	378.043.698.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	197.221.587.767	243.080.686.787
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	572.142.112.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	693.761.417.470	3.177.971.144.124
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.321.689.924.844)	(2.628.480.167.805)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(201.702.345)	(351.652.735.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(628.130.209.719)	769.980.353.019
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(994.056.780.278)	76.565.055.726
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.274.713.542.382	1.198.148.486.656
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	280.656.762.104	1.274.713.542.382

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần 6 ngày 26 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 780 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.004 nhân viên).

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty như sau:

<b>Tên</b>	<b>Mô tả</b>
• Khách sạn Sầm Sơn	Sáp nhập vào Tổng Công ty theo Quyết định số 1803/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý dự án Xi măng Cẩm Phả	Được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 1 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty. Ban Quản lý đã giải thể theo Quyết định số 455/2011/QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 09 năm 2011.
• Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà và Đô thị	Được thành lập theo Quyết định số 266/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 3 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý các Dự án đầu tư Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 0734/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 5 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 1762/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 12 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah	Được thành lập theo Quyết định số 1548/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

- Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt Được thành lập theo Quyết định số 0554/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 5 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội Được thành lập theo Quyết định số 0906/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 7 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Ban Điều hành Dự án Thủy điện Buôn Kuốp Được thành lập theo Quyết định số 1508/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 10 tháng 10 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa Được thành lập theo Quyết định số 1378/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 10 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ Được thành lập theo Quyết định số 172/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 12 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Trường Mầm non Dân lập Vinaconex Được thành lập theo Quyết định số 447/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 22 tháng 4 năm 2005 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Trường Mầm non Dân lập Lý Thái Tổ 2 Được thành lập theo Quyết định số 164/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 1 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Trường Tiểu học Dân lập Lý Thái Tổ Được thành lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 26 tháng 8 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Trường Trung học Dân lập Lý Thái Tổ Được thành lập theo Quyết định số 4582/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 7 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
- Ban điều hành dự án nhà ở xã hội Vinaconex tại Đà Nẵng Được thành lập theo Quyết định số 0389 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
- Ban điều hành thi công giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh. Được thành lập theo Quyết định số 0622 ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
- Ban điều hành dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh Được thành lập theo Quyết định số 0208 ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là:**

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo giá gốc. Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con trong một báo cáo khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, mặc dù công nợ ngắn hạn của Tổng Công ty không vượt quá tài sản ngắn hạn nhưng có một số khoản phải thu ngắn hạn về gốc vay và lãi vay từ Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả mà Tổng Công ty đang làm việc với Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả để gia hạn nợ sau năm 2012; theo đó, nếu không tính các khoản phải thu này, tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty sẽ thấp hơn công nợ ngắn hạn 1.250.717.724.929 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đang bị âm. Các vấn đề này dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ phát hành tăng vốn từ 3.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng đủ để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 32.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2011</u>
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7
Tài sản cố định khác	4 - 6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao.

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm 2011</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản đầu tư vào công ty con, vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

***Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

***Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu***

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu thể hiện phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả và phải trả cho ngân hàng liên quan đến việc phát hành trái phiếu dài hạn. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm kể từ ngày phát hành.

**Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên phần trăm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản***

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá sang các năm sau để Tổng Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng khoảng 3.111 triệu VND (năm 2010: tăng 1.627 triệu VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản là 4.411 triệu VND so với áp dụng theo VAS10.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Năm 2011, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.077.404.644	5.343.239.575
Tiền gửi ngân hàng	210.560.537.569	417.912.234.288
Các khoản tương đương tiền (i)	65.018.819.891	851.458.068.519
	<u><b>280.656.762.104</b></u>	<u><b>1.274.713.542.382</b></u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.120.488.943	5.747.498.195
Công cụ, dụng cụ	7.300.000	1.573.901.465
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	891.362.335.174	1.098.236.654.345
<b>Tổng</b>	<u>893.490.124.117</u>	<u>1.105.558.054.005</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>890.960.314.873</b></u>	<u><b>1.103.028.244.761</b></u>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình lớn như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Tên công trình	VND	VND
Dự án Bảo tàng Hà Nội	437.808.913.278	278.430.017.778
Dự án Khu nhà ở tại Kim Chung, Đông Anh - Hà Nội	135.320.991.508	29.645.093.493
Khu nhà ở cao tầng hỗn hợp N05 Đông Nam Trần		
Duy Hưng	16.659.778.886	376.625.187.602

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	48.816.271.794	92.603.482.052
Tài sản ngắn hạn khác	1.693.450.734	1.461.448.316
	<u><b>50.509.722.528</b></u>	<u><b>94.064.930.368</b></u>

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN**

Khoản phải thu nội bộ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chủ yếu thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền là khoảng 3.566.516 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.457.765 triệu VND) từ việc chuyển giao Trạm nghiền và Nhà máy Xi măng Cẩm Phả theo Hợp đồng chuyển giao tài sản ký ngày 16 tháng 3 năm 2009 và Phụ lục Hợp đồng chuyển giao tài sản ký ngày 18 tháng 12 năm 2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex với số tiền là khoảng 303.052 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 371.326 triệu VND) theo Quyết định số 305/2009/QĐ-ĐT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Quyết toán sơ bộ vốn đầu tư hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn 1, công suất 300.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm” và theo Hợp đồng chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 “Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” ký ngày 29 tháng 9 năm 2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex.

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	197.521.276.964	19.918.561.268	29.699.228.329	4.517.017.209	251.656.083.770
Tăng trong năm	-	953.654.954	39.801.546	324.328.000	1.317.784.500
Tăng khác	201.861.045	-	1.661.815.429	283.187.000	2.146.863.474
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	4.060.700.774	4.060.700.774
Thanh lý	(8.165.813.187)	(1.107.564.000)	(3.415.094.920)	(224.919.734)	(12.913.391.841)
Giảm khác	(16.990.000)	-	(815.919.119)	(1.099.606.927)	(1.932.516.046)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>189.540.334.822</b>	<b>19.764.652.222</b>	<b>27.169.831.265</b>	<b>7.860.706.322</b>	<b>244.335.524.631</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2011	30.664.092.944	14.937.867.202	19.302.088.228	969.940.795	65.873.989.169
Khấu hao trong năm	11.282.070.877	1.880.565.253	2.745.754.540	1.591.147.715	17.499.538.385
Tăng khác	201.861.045	-	1.018.247.829	610.065.545	1.830.174.419
Thanh lý	(6.647.657.539)	(505.192.112)	(3.404.135.659)	(141.224.476)	(10.698.209.786)
Giảm khác	(16.990.000)	-	(805.688.579)	(119.908.668)	(942.587.247)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>35.483.377.327</b>	<b>16.313.240.343</b>	<b>18.856.266.359</b>	<b>2.910.020.911</b>	<b>73.562.904.940</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2011	154.056.957.495	3.451.411.879	8.313.564.906	4.950.685.411	170.772.619.691
Tại ngày 31/12/2010	166.857.184.020	4.980.694.066	10.397.140.101	3.547.076.414	185.782.094.601

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 14.659.259.008 VND.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	12.163.952.000	46.000.000	12.500.000	12.222.452.000
Tăng trong năm	-	-	6.000.000	6.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>12.163.952.000</b>	<b>46.000.000</b>	<b>18.500.000</b>	<b>12.228.452.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	-	38.708.333	12.500.000	51.208.333
Khấu hao trong năm	-	2.500.000	1.200.000	3.700.000
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>-</b>	<b>41.208.333</b>	<b>13.700.000</b>	<b>54.908.333</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2011	12.163.952.000	4.791.667	4.800.000	12.173.543.667
Tại ngày 31/12/2010	12.163.952.000	7.291.667	-	12.171.243.667

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>357.123.556.403</b>	<b>438.680.145.221</b>
Tăng trong năm	96.471.666.620	191.180.255.219
Chuyển giao công trình Nhà máy bê tông dự ứng lực Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	(4.591.890.448)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.060.700.774)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(266.108.718.838)
Khác	(950.708.039)	(6.628.125.199)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>443.991.923.762</b>	<b>357.123.556.403</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi tiết các chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	-	150.770.952
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội	24.868.565.171	15.036.851.643
Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát	342.540.784.139	328.802.816.452
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	71.378.591.756	-
Nhà máy bê tông dự ứng lực Đà Nẵng	-	1.827.001.148
Các dự án khác	5.203.982.696	11.306.116.208
	<b>443.991.923.762</b>	<b>357.123.556.403</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	9.627.543.200	496.324.984.639	505.952.527.839
Điều chỉnh	-	(980.000.000)	(980.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.627.543.200</u>	<u>495.344.984.639</u>	<u>504.972.527.839</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	1.546.410.089	46.638.855.350	48.185.265.439
Khấu hao trong kỳ	385.101.728	29.466.822.340	29.851.924.068
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.931.511.817</u>	<u>76.105.677.690</u>	<u>78.037.189.507</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	<u>7.696.031.383</u>	<u>419.239.306.949</u>	<u>426.935.338.332</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>8.081.133.111</u>	<u>449.686.129.289</u>	<u>457.767.262.400</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 23.006 triệu VND (năm 2010: 380.448 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có giá thị trường tham chiếu để đánh giá giá trị hợp lý.

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	3.807.035.718.291	3.900.643.333.850
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	984.632.270.919	1.018.810.616.329
Đầu tư dài hạn khác	351.872.664.204	469.362.719.531
	<u>5.143.540.653.414</u>	<u>5.388.816.669.710</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.113.228.640.375)	(291.989.860.760)
	<u>4.030.312.013.039</u>	<u>5.096.826.808.950</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu năm	291.989.860.760	192.254.587.284
Tăng dự phòng trong năm	837.420.462.655	122.104.090.019
Giảm dự phòng trong năm	(16.181.683.040)	(22.368.816.543)
Số dư cuối năm	<u>1.113.228.640.375</u>	<u>291.989.860.760</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Tổng Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Tổng Công ty đã trích lập khoản dự phòng tồn thất khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền 586 tỷ đồng. Cơ sở tính khoản dự phòng này căn cứ vào chênh lệch giữa lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả so với lỗ lũy kế được trình bày trong báo cáo nghiên cứu khả thi của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả là khoảng 1.259 tỷ đồng trong khi lỗ kế hoạch theo báo cáo nghiên cứu khả thi đến ngày này là khoảng 670 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả hiện đang áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về ghi nhận chênh lệch tỷ giá, việc áp dụng này làm khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả cho năm 2011 giảm khoảng 304,5 tỷ đồng so với việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có 38 Công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Tên công ty con	31/12/2011		Tỷ lệ biểu	Tỷ lệ	Hoạt động chính
	Số cổ phần	Giá trị (VND)	quyết (%)	lợi ích (%)	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	4.080.000	63.629.128.791	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	4.078.042	74.858.901.809	50,98%	50,98%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	4.080.000	72.323.619.331	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	350.000	3.500.000.000	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	2.550.000	33.026.714.843	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	4.080.000	48.401.109.112	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	4.080.000	52.415.293.940	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	6.519.825	84.072.109.967	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	765.000	8.313.000.000	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	2.550.000	40.833.913.053	65,20%	48,13%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	2.550.000	34.338.162.683	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	5.100.000	55.236.137.563	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 16	778.900	8.565.440.415	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	1.237.584	14.402.806.485	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	3.060.000	35.109.154.062	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	1.020.000	10.199.770.000	83,61%	79,61%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	13.200.001	132.000.007.633	72,79%	70,50%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần VIMECO	3.340.900	56.742.411.830	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	4.652.472	51.589.090.505	77,15%	76,74%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	561.000	6.799.399.132	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	127.500	1.424.940.000	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	616.000	6.160.000.000	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	10.200.000	127.009.854.376	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Xi măng VINACONEX Lương Sơn Hòa Bình	550.000	5.667.148.740	55,00%	55,00%	Sản xuất xi măng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	375.000	4.770.541.550	95,62%	85,76%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	4.080.000	42.840.000.000	56,04%	56,04%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK thương mại Việt Nam	765.000	8.440.856.790	52,33%	51,74%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	19.280.000	192.800.000.000	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	4.900.000	49.000.000.000	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Tên công ty con	31/12/2011		quyết (%) lợi ích (%) Hoạt động chính		
	Số cổ phần	Giá trị (VND)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	5.610.000	56.100.000.000	51,00%	51,00%	Đầu thầu và quản lý thi công các dự án xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hóa	1.222.000	11.025.436.245	64,00%	62,63%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	199.000.000	1.990.000.000.000	100,00%	99,82%	Sản xuất xi măng
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại VINACONEX	11.000.000	110.000.000.000	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	25.500.000	255.040.769.436	51,20%	51,10%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	4.700.000	47.000.000.000	96,52%	96,03%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước	100.000	1.000.000.000	93,91%	54,56%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	1.000.000	10.000.000.000	59,12%	58,93%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản	240.000	2.400.000.000	54,55%	41,88%	Thương mại - dịch vụ
		<b>3.807.035.718.291</b>			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có 11 công ty liên kết và liên doanh. Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	31/12/2011		Tỷ lệ biểu quyết (%) Tỷ lệ lợi ích (%) Hoạt động chính		
	Số lượng	Giá trị (VND)			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	11.126.500	111.265.000.000	32,40%	16,52%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại VINACONEX	1.326.000	13.260.000.000	48,53%	46,43%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVICO	1.500.000	35.409.654.850	23,69%	23,69%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần Vinaconex - VCN	1.200.000	12.000.000.000	33,83%	29,50%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	33.000.000	330.000.000.000	39,00%	36,27%	Tài chính - ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh	34.026.900	340.269.000.000	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	1.016.295	10.162.950.281	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vinaconex - Hoàng Thành	3.750.000	37.500.000.000	37,50%	31,89%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty TNHH VINA SANWA	2.500.567	25.005.670.788	40,00%	40,00%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	300.000	3.200.000.000	37,72%	24,31%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	6.656.000	66.559.995.000	31,64%	28,98%	Sản xuất xi măng
		<b>984.632.270.919</b>			

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	18.588.715.108	3.764.769.485
Tăng	7.131.336.447	22.049.146.085
Phân bổ vào chi phí trong năm	(16.287.926.551)	(7.225.200.462)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>9.432.125.004</u></b>	<b><u>18.588.715.108</u></b>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	134.138.746.458	137.696.729.429
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	2.701.030.849.863	692.222.461.131
	<b><u>2.835.169.596.321</u></b>	<b><u>829.919.190.560</u></b>

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (i)	66.013.545.799	121.093.017.271
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy (i)	16.922.160.000	-
- Ngân hàng TMCP Đại Dương (ii)	50.000.000.000	-
- Vay cá nhân	1.203.040.659	16.603.712.158
	<b><u>134.138.746.458</u></b>	<b><u>137.696.729.429</u></b>

(i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu bán hàng từ phương án sản xuất kinh doanh, và bằng các nguồn thu hợp pháp của Tổng Công ty.

(ii) Là khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động được đảm bảo bằng 20% cổ phần của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.316.796	37.354.153.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.020.132.756	70.517.219.687
Thuế thu nhập cá nhân	5.736.655.554	6.015.842.622
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	19.330.270.948
	<b><u>61.772.105.106</u></b>	<b><u>133.217.487.221</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	64.392.902.282	29.403.872.672
Chi phí tiền lãi phải trả	268.224.418.581	237.217.574.091
Lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất	14.620.136.000	14.620.136.000
Trích trước thuế nhà thầu phải nộp	-	17.710.269.380
Các chi phí phải trả khác	7.742.586.862	6.487.622.809
	<u><b>354.980.043.725</b></u>	<u><b>305.439.474.952</b></u>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.568.456.300	642.725.776
Bảo hiểm xã hội	191.137.251	33.677.468
Bảo hiểm y tế	57.707.277	26.185.008
Cổ tức phải trả	1.671.142.004	1.872.844.349
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - Trung Hòa Nhân Chính (i)	29.344.370.662	61.242.779.066
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - N05 (i)	65.554.047.216	46.049.057.872
Phải trả Ngân sách chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.553.949.239
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương - tiền đất dự án HH (ii)	570.000.000.000	570.000.000.000
Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án	41.954.903.289	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	61.847.576.146	39.056.652.377
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp (iii)	44.214.625.599	-
	<u><b>841.831.393.165</b></u>	<u><b>744.477.871.155</b></u>

- (i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.
- (ii) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Vinaconex về việc thành lập một công ty liên doanh để đầu tư xây dựng một khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.
- (iii) Là khoản thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp cho tiền lãi vay ngân hàng nước ngoài từ năm 2007 đến năm 2010 mà Tổng Công ty đang hoàn thiện hồ sơ miễn giảm theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Khoản phải trả này sẽ được ghi giảm khi Tổng Công ty hoàn thiện các hồ sơ miễn giảm và được cơ quan thuế có thẩm quyền chấp nhận.

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	5.048.010.874.459	5.436.475.628.721
Trái phiếu phát hành	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
	<u>7.048.010.874.459</u>	<u>7.436.475.628.721</u>
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(2.701.030.849.863)	(692.222.461.131)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>4.346.980.024.596</b></u>	<u><b>6.744.253.167.590</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	VND		VND	
<b>Ngân hàng</b>				
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam				57.095.566.253
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		40.782.547.322		147.050.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		-		72.780.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(i)	-		1.463.743.190.761
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh		1.280.775.291.917		45.514.272.354
- Ngân hàng BNP Paribas	(ii)	33.381.618.367		226.761.286.304
- Ngân hàng BNP Paribas	(iii)	290.001.406.973		978.943.041.836
- Ngân hàng Natexis	(iv)	943.232.633.768		193.549.178.208
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	(v)	184.541.691.897		301.424.197.732
- Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội		276.342.664.204		1.061.359.942.870
- Ngân hàng Hợp tác Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JBIC)	(vi)	1.102.367.484.432		888.254.952.403
- Trái phiếu Vinaconex	(vii)	896.585.535.579		2.000.000.000.000
		2.000.000.000.000		2.000.000.000.000
		<b>7.048.010.874.459</b>		<b>7.436.475.628.721</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam) có hạn mức tối đa là 1.830 tỷ VND và chịu lãi suất từ 10,5% đến 13,94% (năm 2010: từ 10,5% đến 13,94%). Khoản vay này được bảo đảm bằng các động sản và bất động sản của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với giá trị tạm tính là 4.375 tỷ VND và đất và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Láng Hạ, Hà Nội.
- (ii) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iii) Tổng Công ty ký các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris, vào ngày 21 tháng 10 năm 2004 và ngày 28 tháng 3 năm 2005 với tổng giá trị các khoản vay là 60.858.000 EURO. Khoản vay này chịu lãi suất là EURIBOR cộng (+) 0,325%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 01 năm 2007 và 30 tháng 6 năm 2008. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- (v) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất cố định là 2,05%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 8 tháng 9 năm 2008.
- (vii) Khoản này thể hiện trái phiếu do Tổng Công ty phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2010 với kỳ hạn 2 năm. Khoản trái phiếu này có gốc bằng đồng Việt Nam với mệnh giá là 1.000.000.000 VND/trái phiếu và chịu lãi suất năm đầu là 14%/năm, lãi suất năm sau bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân, trả sau kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh thành phố Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch) cộng với lãi suất biên 3,4%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	1.850.803.870.000	350.952.370.000	326.948.885	161.046.777.503	42.802.116.741	414.768.007.970	576.409.514.309	3.397.109.605.408				
Tăng trong năm	1.149.196.130.000	4.152.532.000	-	-	-	-	-	1.153.348.662.000				
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	499.097.011.561	-	499.097.011.561				
CLTG tăng/(giảm) trong năm	-	-	(1.571.049.289)	-	-	-	-	(1.571.049.289)				
CLTG kết chuyển vào chi phí	-	-	(56.536.537)	-	-	-	-	(56.536.537)				
Chi lương thành viên HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	(929.962.530)	-	(929.962.530)				
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	134.705.514.628	20.763.152.272	(192.536.581.040)	-	(37.067.914.140)				
Cổ tức	-	-	-	-	-	(351.652.735.300)	-	(351.652.735.300)				
Quyết toán với ngân sách nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	-	(106.674.636.240)	(106.674.636.240)				
Tại ngày 01/01/2011	3.000.000.000.000	355.104.902.000	(1.300.636.941)	295.752.292.131	63.565.269.013	368.745.740.661	469.734.878.069	4.551.602.444.933				
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-				
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-				
CLTG tăng/(giảm) trong năm	-	-	-	-	-	131.130.535.070	-	131.130.535.070				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.110.593.220)	-	-	-	-	(3.110.593.220)				
Quyết toán với ngân sách nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	(14.063.065.426)	-	(14.063.065.426)				
Khác	-	-	-	-	-	-	(75.704.246.026)	(75.704.246.026)				
Tại ngày 31/12/2011	3.000.000.000.000	355.104.902.000	(4.411.230.161)	295.752.292.131	63.565.269.013	485.828.210.305	394.030.632.043	4.589.870.075.331				

(\*) Tổng Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Hội đồng Quản trị được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 28 tháng 4 năm 2011.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:**

	Năm 2011	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	300.000.000	3.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	3.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**21. DOANH THU THUẦN**

	2011	2010
	VND	VND
Xây lắp	3.121.386.879.666	3.800.797.811.844
Bất động sản	1.823.143.792.536	953.722.124.404
Dịch vụ và khác	190.020.440.424	138.351.835.224
	<b>5.134.551.112.626</b>	<b>4.892.871.771.472</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2011	2010
	VND	VND
Xây lắp	3.029.200.572.330	3.711.995.371.491
Bất động sản	1.249.945.029.006	720.135.207.855
Dịch vụ và khác	112.415.642.882	92.782.666.408
	<b>4.391.561.244.218</b>	<b>4.524.913.245.754</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	537.187.760.540	535.366.949.352
Cổ tức	186.837.080.271	135.916.391.133
Lãi chênh lệch tỷ giá	384.930.419.434	295.270.858.925
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	123.040.567.502	333.849.940.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.088.310.937	10.139.121.741
	<b>1.235.084.138.684</b>	<b>1.310.543.261.151</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	418.724.407.494	478.143.030.189
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	821.238.779.615	101.512.829.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá	331.491.377.763	323.642.202.309
Chi phí tài chính khác	12.084.461.346	6.287.463.621
	<u><b>1.583.539.026.218</b></u>	<u><b>909.585.525.198</b></u>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	76.369.339.241	142.466.744.980
Chi phí nguyên vật liệu	550.939.529	700.677.971
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.584.625.006	1.926.752.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.929.099.776	11.552.536.352
Thuế, phí và lệ phí	3.938.833.079	1.551.753.193
Chi phí dự phòng	4.570.896.859	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.265.138.663	9.164.757.975
Chi phí bằng tiền khác	22.645.452.372	23.037.443.170
	<u><b>126.854.324.525</b></u>	<u><b>190.400.666.636</b></u>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	568.000.000	256.363.636
Lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư bị đánh giá giảm khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	6.885.671.969
Thu nhập từ chuyển giao Nhà máy Xi măng Đạo Tú	4.799.859.374	-
Lãi từ chuyển nhượng khách sạn Holiday View	-	62.910.655.961
Giá trị định giá doanh nghiệp tăng lên theo Biên bản xác định giá trị Công ty TNHH MTV Vinaconex Dung Quất	-	10.452.777.554
Thu nhập từ chuyển giao Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	-	32.762.126.766
Thu nhập khác	3.594.521.767	2.930.612.364
	<u><b>8.962.381.141</b></u>	<u><b>116.198.208.250</b></u>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại của Khách sạn Holiday View	-	35.482.219.293
Giá trị quyết toán bổ sung của Dự án nhà máy xi măng Cẩm Phả	-	44.063.635.399
Giá trị còn lại của nhà máy xi măng Đạo Tú	1.518.155.648	-
Chi phí khác	705.261.598	4.921.314.209
	<u><b>2.223.417.246</b></u>	<u><b>84.467.168.901</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****(a) Đối chiếu thuế suất hiện hành**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	255.881.264.668	601.306.143.932
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	228.341.798.341	149.606.753.183
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.539.466.327</b>	<b>451.699.390.749</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính	128.995.537.324	82.723.010.634
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động bất động sản	499.002.918.390	162.538.944.183
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục	6.271.506.343	1.876.694.935
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	(606.730.495.730)	204.560.740.997
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính (*)	12,5%	12,5%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động bất động sản	25%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động giáo dục (*)	5%	5%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>124.750.729.598</u></b>	<b><u>102.209.132.371</u></b>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

(\*) Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm là 131.130.535.070 VND (năm 2010: 499.097.011.561 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 300.000.000 (năm 2010: 204.233.656), được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	131.130.535.070	499.097.011.561

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)****(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	300.000.000	204.233.656
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	437	2.444

**30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng chính phủ về việc “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân chính.

- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân chính.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo Hợp đồng liên doanh ký trong năm 2009 giữa Công ty Sonakali International Limited, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thỏa thuận thành lập Công ty TNHH Sonakali Việt Nam, vốn điều lệ của Công ty liên doanh là 350 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cam kết góp 20% vốn điều lệ tương đương 70 tỷ VND bằng một phần chi phí Khu đất HH, Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng.

Theo Quyết định số 900/2009/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel (VVHA., JSC). Vốn điều lệ 3.000 tỷ VND, trong đó, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam góp 780 tỷ VND, tương ứng với 26% vốn điều lệ của Công ty này. Nguồn vốn góp của Tổng Công ty từ Quỹ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.656.762.104	1.274.713.542.382
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.523.686.230.745	3.006.546.484.947
Đầu tư ngắn hạn	548.636.928.727	50.000.000.000
Đầu tư dài hạn	316.974.398.458	450.586.572.169
Phải thu dài hạn	3.869.568.301.551	4.829.091.418.683
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.539.522.621.585</b>	<b>9.610.938.018.181</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	7.182.149.620.917	7.574.172.358.150
Phải trả người bán và phải trả khác	1.659.611.600.937	1.568.888.939.333
Chi phí phải trả	354.980.043.725	305.439.474.952
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.196.741.265.579</b>	<b>9.448.500.772.435</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	784.267.381.441	767.248.934.598	184.541.692.021	193.549.178.265
Euro (EUR)	943.232.633.768	978.943.041.836	1.156.918.720.661	1.137.136.114.376
Yên Nhật (JPY)	896.585.535.579	888.254.952.403	1.151.592.079.993	999.287.316.503

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 34.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối niên độ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.659.611.600.937	-	1.659.611.600.937
Chi phí phải trả	354.980.043.725	-	354.980.043.725
Các khoản vay	2.835.169.596.321	4.346.980.024.596	7.182.149.620.917
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.568.888.939.333	-	1.568.888.939.333
Chi phí phải trả	305.439.474.952	-	305.439.474.952
Các khoản vay	829.919.190.560	6.744.253.167.590	7.574.172.358.150

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.523.686.230.745	3.869.568.301.551	8.393.254.532.296
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.006.546.484.947	4.829.091.418.683	7.835.637.903.630

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 9 tháng 11 năm 2011, Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu chào bán là 200.000.000 cổ phiếu, tương đương 2.000 tỷ đồng tính theo mệnh giá. Đến ngày 15 tháng 3 năm 2012, Công ty đã phát hành thành công 141.710.673 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0132A/2012/QĐ-HĐQT ngày 07 tháng 03 năm 2012, Tổng Công ty không tiến hành phân phối số cổ phiếu còn dư sau đợt phát hành là 58.289.327 cổ phiếu. Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ lên 4.417.106.730.000 VND.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	683.661.512	60.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	772.673.875	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	118.963.956	532.609.134
Công ty Cổ phần VIMECO	6.316.083.292	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	805.468.503	691.556.544
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	1.621.860.851	758.529.149
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	624.722.288	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	1.518.052.422	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	5.944.717.386	5.207.080.021
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	879.590.336	1.676.748.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	-	22.881.258.902
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	-	780.837.255
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	1.198.294.347	375.093.218
	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
<b>Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản và đánh giá lại tài sản</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	-	62.604.292.325
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	-	10.502.777.554
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	4.586.010.959	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	21.608.833.796	45.324.186.464
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	160.291.468.847	127.539.394.300
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	3.307.949.464	6.991.222.847
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	136.070.657.612	172.074.415.274
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	139.896.304.292	77.550.320.113
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	23.749.929.526	1.026.997.856
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	321.081.318.843	124.176.479.923
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	22.948.840.657	33.965.642.461
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	86.298.090.604	64.725.970.693
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	101.514.609.417	18.249.940.371
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	82.333.148.264	58.532.955.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	37.086.323.755	20.154.594.007
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	3.322.025.344	421.468.555
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	154.538.935.048
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	215.104.869.613	171.916.437.851
Công ty Cổ phần VIMECO	146.919.961.495	379.075.348.007
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	19.156.646.249	35.882.154.716
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	58.183.501.871	11.280.711.505
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	13.353.769.541	1.885.550.954
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	130.969.467.636	139.180.643.072
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	7.094.282.296	8.984.532.021
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	1.602.756.326	523.234.586
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	89.677.024.017	50.208.756.363
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	302.197.013.213	405.359.823.096
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	-	2.535.296.527
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	-	4.114.868.182
	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập từ lãi vay</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	7.886.668.000	1.273.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	3.086.337.113	1.275.166.167
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	386.202.039.399	310.978.996.998
Công ty Cổ phần VIMECO	20.945.429.000	5.483.334.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	1.994.122.716	-
Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	1.646.643.522	1.513.168.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2	1.248.083.000	3.148.187.778
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hóa	6.826.800.000	7.063.555.000
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	18.924.660.723	66.633.506.874

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Thu nhập cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	7.344.000.000	7.344.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	13.457.538.600	7.340.475.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	7.340.000.000	7.344.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	3.570.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	4.080.000.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	6.528.000.000	4.284.080.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	7.171.807.500	13.908.960.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	2.040.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	918.000.000	4.131.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	7.956.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	-	414.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	42.000.000	1.428.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	1.530.000.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	5.011.350.000	5.011.350.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	841.500.000	280.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	229.500.000	229.500.000
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	15.300.000.000	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Lương Sơn - Hòa Bình	660.000.000	660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	-	562.500.000
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	3.712.800.000	530.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	4.900.000.000	2.780.562.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	8.415.000.000	6.693.750.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.560.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & thương mại Vinaconex UPGC	2.900.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Cao cấp Vinaconex	3.455.788.000	24.190.516.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.402.138.500	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	1.427.370.000	1.141.896.000
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	255.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vinaconex Hoàng Thành	3.750.000.000	3.750.000.000
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	99.287.671	-
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	66.000.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	8.155.884.003	424.037.606
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	54.085.773.777	94.600.220.607
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	-	6.420.201.868
Công ty Xây dựng số 4	92.343.662.167	92.343.662.167
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	23.669.561.381	38.002.978.313
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	8.972.914.707	12.668.294.342
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	11.034.668.162	10.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	103.025.107.355	91.733.960.155
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	9.343.279.935	15.299.973.648
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	42.636.909.610	35.850.234.935
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	30.391.838.432	66.055.774.968
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	828.755.812	828.755.812
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 16	24.087.552.143	21.884.449.631
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	4.562.436.264	3.040.685.458
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	3.302.521.803
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-	2.347.450.138
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	29.518.235.281	30.156.195.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2	1.485.438.424	44.281.297.447
Công ty Cổ phần VIMECO	157.791.902.258	215.235.358.422
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	21.265.677.660	11.764.151.450
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	193.132.799	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	29.652.362.967	29.786.393.589
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	655.443.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình	660.000.000	660.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	364.377.376.700	353.887.959.463
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	203.280.810	890.208.645
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	4.652.519.044	5.575.355.062
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	45.654.230.865	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	157.210.444.154	30.381.711.427
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hóa	51.455.230.386	53.639.496.386
Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	-	94.143.014
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	4.782.552.352.002	4.457.765.000.923
Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex	385.247.098.585	371.326.417.760
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	1.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	25.580.311.111	18.230.873.000
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	710.148.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	285.485.462	-
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	1.263.785.093	-

